

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm gần 33 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,813.14 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Du lịch giải trí,... Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí, Hóa chất, Tiện ích tăng mạnh do tác động ngắn hạn từ chiến tranh tại Iran. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, HNX và UPCOM. Biến động giá của VN-Index lỏng lẻo và tâm lý thị trường nhìn chung kém tích cực; nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các hợp đồng tương lai đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 03/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-32.96** điểm, đóng cửa tại **1813.14** điểm. HNX-Index **+1.01** điểm, đóng cửa tại **260.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+4.46)**, **MCH (+2.93)**, **GVR (+2.72)**, **BSR (+2.66)**, **PLX (+1.26)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-18.18)**, **VHM (-5.78)**, **BID (-2.41)**, **VCB (-2.30)**, **TCB (-1.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **40,219** tỷ đồng, giảm **-7.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 43,813 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 45.73 điểm. Thị trường có **120** mã tăng, **53** mã tham chiếu, **214** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-787.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-370.25 tỷ)**, **VHM (-253.07 tỷ)**, **VNM (-144.90 tỷ)**, **POW (-140.66 tỷ)**, **BSR (-129.15 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-21.81** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.98%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DCM (+6.96%)** ([Link báo cáo](#))
 - BSR (+6.90%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVS (+4.80%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PLX (+6.96%)** ([Link báo cáo](#))
 - GAS (+6.93%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVD (+6.90%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.98%	-0.10%	-1.79%	-2.56%
1 tuần	-1.96%	-0.08%	-2.92%	-4.46%
1 tháng	-0.24%	0.77%	-0.87%	-3.47%
3 tháng	6.62%	8.49%	4.70%	-0.64%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,813.14	260.01	129.06
% 1D	-1.79%	0.39%	0.27%
GTKL (tỷ VND)	40,219	2,874	1,677
%1D	-7.85%	-10.30%	-17.50%
GDNN (tỷ VND)	-787.18	-21.81	-4.81

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	155.28	HPG	-370.25
SSI	144.76	VHM	-253.07
DCM	137.98	VNM	-144.90
PC1	91.37	POW	-140.66
HCM	84.87	BSR	-129.15

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	%D	%W	
SPX	6,882	0.04%	0.64%
FTSE100	10,535	-2.28%	-1.36%
Eurostoxx	5,819	-2.71%	-4.97%
Shanghai	4,123	-1.43%	0.13%
Nikkei	56,279	-3.06%	-1.83%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	81.99	5.47%
Giá vàng	5,298	-1.23%
Tỷ giá		
USD/VND	26,298	0.03%
EUR/VND	31,437	-0.07%
JPY/VND	170	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	123.40	6.93%	4.46	2.41
MCH	150.80	6.95%	2.93	1.29
GVR	45.75	6.89%	2.72	4.00
BSR	35.65	6.90%	2.66	5.01
PLX	66.10	6.96%	1.26	1.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	54.60	4.80%	0.74	0.51
MBS	26.90	1.51%	0.15	0.67
DTK	11.80	2.61%	0.12	0.68
SHS	18.30	1.10%	0.10	0.90
PVC	20.50	9.63%	0.09	0.08

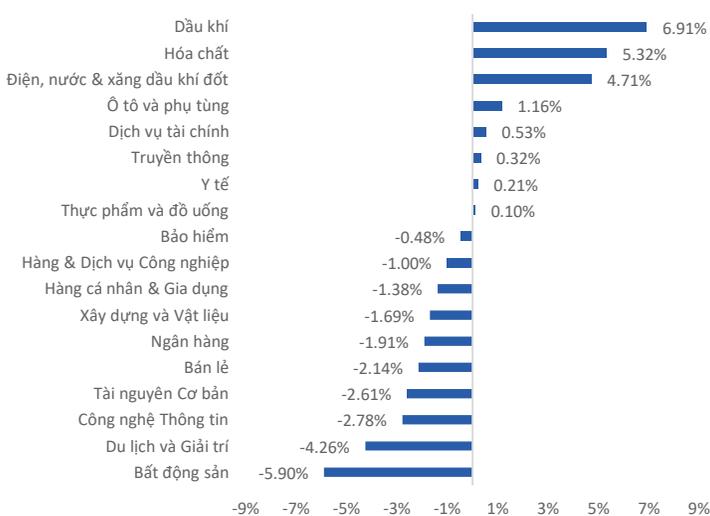
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PIT	8.11	6.99%	0.00	0.03
VOS	17.60	6.99%	0.04	9.21
DCM	49.15	6.96%	0.39	14.01
PAC	25.35	6.96%	0.03	1.06
PLX	66.10	6.96%	1.27	17.82

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC1	12.20	9.91%	0.06	0.00
PEN	10.00	9.89%	0.02	0.00
VMS	60.10	9.87%	0.21	0.00
HLC	13.40	9.84%	0.13	0.16
MDC	11.30	9.71%	0.09	0.07

Hình 1 Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	155.50	-7.00%	-18.18	7.73
VHM	93.50	-6.97%	-5.78	4.11
BID	43.55	-3.65%	-2.41	7.02
VCB	61.60	-2.07%	-2.30	8.36
TCB	33.60	-3.03%	-1.56	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	194.90	-3.18%	-0.69	0.20
IDC	48.40	-2.42%	-0.25	0.38
KSF	78.70	-0.38%	-0.15	0.90
HUT	15.80	-1.25%	-0.12	1.07
NFC	62.10	-8.54%	-0.05	0.02

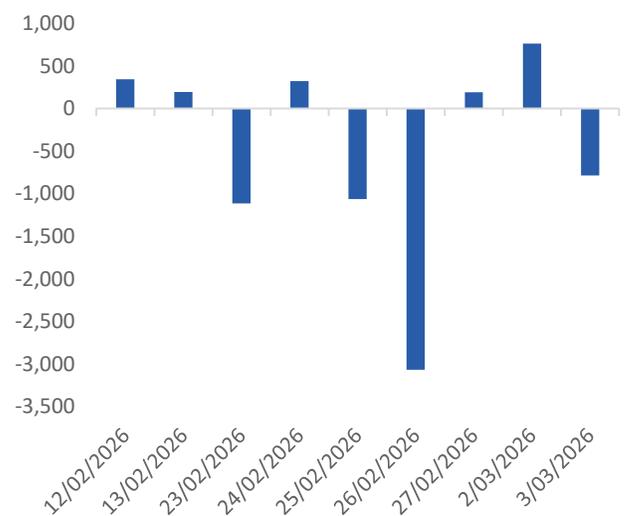
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	155.50	-7.00%	-18.16	14.92
MDG	42.55	-6.99%	-0.01	0.00
CMV	7.98	-6.99%	0.00	0.01
VHM	93.50	-6.97%	-5.79	11.99
FIR	5.38	-6.92%	-0.01	0.54

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	11.70	-8.59%	-0.02	0.00
NFC	62.10	-8.54%	-0.33	0.00
NAP	10.30	-8.04%	-0.07	0.00
UNI	8.00	-6.98%	-0.09	0.00
VDL	9.80	-6.67%	-0.04	0.00

Hình 2 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	88.2	-2.0%	1.0	129,515	1214.1	4,777	18.5	113,000	47.6%	Link
KBC	Bất động sản	34.0	-3.0%	1.4	31,973	211.6	2,500	13.6	46,000	11.1%	Link
KDH	Bất động sản	27.3	0.6%	0.9	30,636	128.2	943	29.0	39,900	28.2%	Link
PDR	Bất động sản	15.6	0.0%	1.3	15,566	186.7	531	29.4	28,200	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	93.5	-7.0%	1.6	384,043	1138.6	10,008	9.3	119,600	8.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	87.0	-2.9%	0.6	148,205	1618.1	5,511	15.8	124,400	35.3%	Link
BSR	Dầu khí	35.7	6.9%	0.0	178,510	1714.6	1,036		23,200	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	54.6	4.8%	1.4	27,924	1047.6	3,560	15.3	52,300	16.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.9	2.4%	1.3	25,811	353.4	1,454	16.4		33.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	32.6	2.4%	1.3	81,210	2325.5	2,004	16.3		32.4%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	38.2	-0.8%	1.1	32,474	721.4	1,849	20.7		17.7%	Link
DCM	Hóa chất	49.2	7.0%	0.8	26,020	671.3	3,702	13.3	40,200	5.6%	Link
DGC	Hóa chất	73.8	-2.0%	0.7	28,028	322.0	7,965	9.3	109,300	7.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.5	-1.9%	0.8	120,711	398.3	3,042	7.7	27,100	27.2%	Link
CTG	Ngân hàng	35.9	-2.6%	1.0	278,833	812.4	4,454	8.1	53,500	25.4%	Link
HDB	Ngân hàng	26.5	-1.7%	1.2	132,640	522.9	3,432	7.7	32,700	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.1	-2.2%	0.9	217,888	1226.6	3,325	8.1	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	-2.1%	0.9	36,348	102.3	1,804	6.5	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	67.8	1.2%	0.8	127,818	801.1	3,150	21.5		14.6%	Link
TCB	Ngân hàng	33.6	-3.0%	1.0	238,098	858.4	3,577	9.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.6	-1.1%	1.0	48,823	472.9	2,660	6.6	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	61.6	-2.1%	0.9	514,710	791.1	4,210	14.6	75,800	20.6%	Link
VIB	Ngân hàng	16.7	-1.2%	0.9	56,847	169.7	2,143	7.8	23,000	4.8%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	-2.1%	1.4	217,786	691.9	3,024	9.1	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.7	-2.8%	0.9	212,610	1957.1	2,013	13.8	32,200	22.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-1.3%	1.2	9,625	78.6	1,012	15.3	15,700	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.1	-2.5%	0.8	9,660	215.7	3,915	6.4	28,800	1.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	-1.8%	1.1	111,335	845.1	2,710	28.4	98,300	23.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.4	-4.8%	0.6	132,503	1210.1	4,503	14.1	78,000	50.3%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	-5.65%	1.2	10,163	350.5	2,494	18.4	20.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	165.0	-2.37%	1.0	28,100	107.6	4,667	35.4	32.8%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	81.6	-0.61%	1.0	60,574	48.6	3,996	20.4	27.2%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	14.1	0.36%	1.1	11,190	254.0	990	14.2	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.6	0.00%	1.3	16,185	228.1	229	63.7	22.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	19.1	-1.80%	1.2	3,815	92.6	2,559	7.5	1.7%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	27.4	-2.32%	1.3	10,118	81.3	1,907	14.3	19.2%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	48.4	-2.42%	1.4	18,368	214.0	5,090	9.5	14.0%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	26.0	-1.89%	1.1	12,588	145.0	1,805	14.4	42.1%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	60.0	-3.23%	1.1	14,527	31.4	5,601	10.7	2.7%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	33.3	-3.48%	1.2	5,994	41.5	1,917	17.4	5.0%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.4	-1.37%	1.3	13,134	98.6	416	34.6	10.4%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	155.5	-7.00%	1.0	1,198,288	2346.2	1,739	89.4	2.8%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	26.4	-5.22%	1.5	59,876	259.9	2,837	9.3	11.5%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	32.5	-2.11%	0.8	7,558	20.3	1,700	19.1	38.1%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	66.1	6.96%	0.8	83,986	1125.3	2,122	31.2	15.4%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	44.2	6.90%	1.0	24,542	882.4	1,866	23.7	12.6%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	31.9	1.92%	0.9	11,053	26.6	1,161	27.5	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	1.51%	1.5	17,950	206.9	1,884	14.3	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	123.4	6.93%	0.8	297,758	911.0	4,730	26.1	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.6	6.77%	0.9	50,773	1160.7	832	19.9	4.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.5	0.31%	0.5	34,937	69.3	4,668	13.8	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	164.1	-2.90%	1.0	97,083	200.3	3,728	44.0	6.5%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	37.5	-0.40%	1.6	33,840	369.0	1,635	22.9	8.0%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	81.5	0.62%	0.9	34,759	380.1	3,986	20.5	40.8%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.0	5.81%	0.8	11,989	720.1	6,258	11.3	7.7%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.5	6.81%	0.9	12,900	607.7	2,210	12.4	10.6%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	101.1	-2.03%	0.9	12,312	69.6	3,325	30.4	5.4%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	122.0	-2.01%	0.7	41,620	242.0	8,353	14.6	48.2%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.2	0.77%	0.8	2,935	41.3	2,402	10.9	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.0	1.96%	1.3	3,347	127.6	3,163	8.2	18.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	31.4	6.27%	0.9	21,316	664.3	1,579	19.9	5.5%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	45.8	6.89%	1.6	183,000	510.7	1,406	32.5	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.8	0.44%	1.4	42,470	602.5	610	37.4	3.6%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	42.4	1.19%	0.7	126,661	56.2	3,824	11.1	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	13.9	-1.07%	0.5	23,762	19.2	2,438	5.7	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.4	-0.44%	0.8	30,226	22.3	1,513	7.5	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	-1.28%	1.2	6,893	115.4	461	33.4	5.6%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.1	-3.52%	1.1	6,936	50.0	3,754	6.9	3.3%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.0	0.27%	0.7	11,234	135.2	341	108.3	4.3%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.0	-2.54%	0.6	58,998	114.3	3,449	13.3	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.8	-2.18%	0.9	14,096	133.8	6,073	10.3	20.3%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.1	-1.01%	0.2	12,860	12.3	15,010	10.5	83.8%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.3	-1.93%	0.8	9,191	79.9	7,388	11.7	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	88.1	-3.82%	1.0	10,077	119.4	5,244	16.8	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.6	-3.11%	0.9	5,170	64.4	3,209	13.6	11.6%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	0.00%	1.1	6,593	72.6	1,196	10.1	10.3%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	31.4	2.96%	1.0	12,894	421.6	2,553	12.3	15.5%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.0	1.34%	1.1	12,251	101.8	6,084	3.1	2.9%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	49.9	-4.13%	1.2	22,350	72.9	3,130	15.9	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
2	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
3	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
4	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
5	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
6	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
7	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
8	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
9	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
10	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
18	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
19	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
20	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>